

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HK2 NĂM HỌC 2025 - 2026_CẬP NHẬT NGÀY 07/01/2026
Ngành Công nghệ thông tin - Khóa 2020 + 2021 + 2022 + 2023 + 2024

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TỈN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỶ	GHI CHÚ
1	D22_CNTT		Môn học tự chọn (chọn 3 trong 5 môn):										
2	D22_CNTT	CS03044	Xây dựng phần mềm Windows	3	45	30	15	0	0	0	0	HK8	
3	D22_CNTT	CS03043	Xây dựng phần mềm Web	3	45	30	15	0	0	0	0	HK8	
4	D22_CNTT	CS03058	Xây dựng phần mềm thiết bị di động	3	45	30	15	0	0	0	0	HK8	
5	D22_CNTT	CS03057	AI cơ bản và ứng dụng	3	45	30	15	0	0	0	0	HK8	
6	D22_CNTT	CS03042	Triển khai hệ thống thông tin	3	45	30	15	0	0	0	0	HK8	
7	D22_CNTT	CS09151	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	0	0	120	0	0	HK8	
8	D22_CNTT	CS03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp --> SV xem thông báo trong Tháng 03/2026	5	225	0	0	0	0	0	225	HK8	
9	D23_CNTT	CS03013	Công nghệ phần mềm	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
10	D23_CNTT	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
11	D23_CNTT	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
12	D23_CNTT	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
13	D23_CNTT	CS03023	Thương mại điện tử	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
14	D23_CNTT	CS03045	Kiểm thử phần mềm	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
15	D23_CNTT	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
16	D23_CNTT	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
17	D23_CNTT	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
18	D23_CNTT	CS03056	Thực tập nghề nghiệp	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
19	D24_CNTT	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	0	HK4	
20	D24_CNTT	GS19010	Tiếng Anh 4	2	45	15	0	30	0	0	0	HK4	
21	D24_CNTT	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	0	0	0	0	0	0	HK4	
22	D24_CNTT	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	45	30	15	0	0	0	0	HK4	
23	D24_CNTT	CS03008	Cơ sở dữ liệu	3	45	30	15	0	0	0	0	HK4	
24	D24_CNTT	CS03009	Hệ điều hành	3	45	30	15	0	0	0	0	HK4	
25	D24_CNTT	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	1	30	0	0	0	30	0	0	HK4	
26	D24_CNTT	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	1	30	0	0	0	30	0	0	HK4	
27	D24_CNTT	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	1	30	0	0	0	30	0	0	HK4	
28	D24_CNTT		Giáo dục thể chất 3 (tự chọn): chọn 1 trong 5 môn sau:										
29	D24_CNTT	GS93008	Aerobic	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
30	D24_CNTT	GS93009	Bóng bàn cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
31	D24_CNTT	GS93010	Bóng chuyền cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
32	D24_CNTT	GS93011	Bóng rổ cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
33	D24_CNTT	GS93012	Cầu lông cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
34	D24_CNTT	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH) --> SV theo dõi thông báo chi tiết sau.	0	165	90	15	0	60	0	0	HK4	
35	D25_CNTT	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	4	60	45	15	0	0	0	0	HK2	
36	D25_CNTT	GS43002	Vật lý 2	4	60	45	15	0	0	0	0	HK2	
37	D25_CNTT	GS19008	Tiếng Anh 2	2	45	15	0	30	0	0	0	HK2	
38	D25_CNTT	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0	0	0	0	0	HK2	
39	D25_CNTT	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0	0	0	0	0	HK2	
40	D25_CNTT	CS03001	Kỹ thuật số	2	30	15	15	0	0	0	0	HK2	

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HK2 NĂM HỌC 2025 - 2026_CẬP NHẬT NGÀY 07/01/2026
Ngành Công nghệ thông tin - Khóa 2020 + 2021 + 2022 + 2023 + 2024

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
41	D25_CNTT	CS09001	Nhập môn lập trình	3	45	30	15	0	0	0	0	HK2	
42	D25_CNTT	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	1	30	0	0	0	30	0	0	HK2	
43	D25_CNTT	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	1	30	0	0	0	30	0	0	HK2	
44	D25_CNTT	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	1	30	0	0	0	30	0	0	HK2	
45	D25_CNTT	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0	45	0	15	0	30	0	0	HK2	
Các lớp_môn học mở cho Đại học các khóa học lại:													
1	DH_CNTT_HOCLAI	GS19002	Tiếng Anh 2	2	45	15	0	30	0	0	0	-	
2	DH_CNTT_HOCLAI	GS19004	Tiếng Anh 4	2	45	15	0	30	0	0	0	-	
3	DH_CNTT_HOCLAI		Môn Tiếng Anh cuối khóa: Sinh viên xem chi tiết Thông báo số 388-25/TB-DSG-DT ngày 01/10/2025 trên Web/Cổng TTĐT.										
4	DH_CNTT_HOCLAI		Môn học dành cho sinh viên khóa 2020 và 2021 chưa học hoặc đã học nhưng không đạt, sinh viên lựa chọn 1 trong 2 môn sau để đăng ký:										
5	DH_CNTT_HOCLAI	GS00001	Tiếng Anh cuối khóa (có tiền sách): SV chọn đăng ký môn này nếu chưa có sách	0	30	30	0	0	0	0	0	-	
6	DH_CNTT_HOCLAI	GS00002	Tiếng Anh cuối khóa (không có tiền sách): SV chọn đăng ký môn này nếu đã có sách	0	30	30	0	0	0	0	0	-	
Danh sách môn học sinh viên không đăng ký, hoặc đăng ký theo nguyện vọng nhưng chưa đủ số mở lớp:													
1	DH_CNTT_HOCLAI	GS99001	Giáo dục thể chất 1	0	30	0	0	0	30	0	0	-	
2	DH_CNTT_HOCLAI	GS99002	Giáo dục thể chất 2	0	30	0	0	0	30	0	0	-	
3	DH_CNTT_HOCLAI	CS03021	Seminar nghề nghiệp	1	30	0	0	0	30	0	0	-	